

Số: **673**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **03** tháng **4** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của
Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 ngày 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh về việc ban hành điều lệ, tổ chức hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 662/TTr-STNMT ngày 26/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, PCT Hà sỹ Đồng;
- Lưu: VT, TM(T), MT;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đồng

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về quản lý tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị (gọi tắt là Quỹ).

Quy chế này áp dụng cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Trị và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; được sử dụng các khoản thu nhập hợp pháp để trang trải các chi phí trong quá trình hoạt động; được phân phối chênh lệch thu chi tài chính theo quy định của pháp luật và tại Quy chế này.

2. Việc sử dụng các nguồn vốn của Quỹ phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn;
- Sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả;
- Thu hồi kịp thời vốn gốc và lãi để đảm bảo hoàn vốn và bù đắp chi phí;
- Đáp ứng yêu cầu thanh toán thường xuyên của Quỹ.

Điều 3. Chế độ trách nhiệm

Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và chấp hành các chế độ quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán.

Chương II. QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN

Mục 1. Quản lý về nguồn vốn và sử dụng vốn

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Vốn hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 11, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ kèm theo Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh.

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn

Quản lý và sử dụng vốn của Quỹ được quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ kèm theo Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh.

Mục 2. Quản lý về tài sản

Điều 6. Mua sắm, quản lý sử dụng tài sản

1. Mua sắm tài sản

- Việc đầu tư và mua sắm tài sản cố định phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện theo nguyên tắc giá trị còn lại của tổng tài sản cố định không vượt quá 7% vốn điều lệ thực có của Quỹ thời điểm mua sắm.

- Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ và nhu cầu, Quỹ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, xử lý.

- Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Khấu hao tài sản cố định

- Quỹ thực hiện chế độ trích lập và sử dụng khấu hao tài sản cố định theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Mọi tài sản cố định liên quan đến hoạt động của Quỹ đều phải tính chi phí hao mòn và trích khấu hao bắt đầu từ thời điểm được đưa vào sử dụng.

3. Kiểm kê, đánh giá lại tài sản

a) Quỹ phải thực hiện kiểm kê, đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau:

- Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Thu hồi tài sản thế chấp khi chủ đầu tư không trả được nợ.

- Thanh lý, nhượng bán tài sản.

b) Việc kiểm kê đánh giá lại tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành, các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại tài sản (trừ khoản thu hồi tài sản thế chấp, tài sản hình thành từ vốn vay của Quỹ khi chủ đầu tư không trả được nợ) được hạch toán tăng hoặc giảm vốn của Quỹ theo quy định.

4. Xử lý tổn thất tài sản

Khi bị tổn thất về tài sản, Quỹ phải xác định giá trị tài sản bị tổn thất, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý như sau:

- Xác định rõ các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, rủi ro chính trị) và nguyên nhân chủ quan.

- Nếu do nguyên nhân chủ quan thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định mức bồi thường theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Nếu tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm.

- Giá trị tài sản tồn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tồn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

- Những trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Quỹ không thể tự khắc phục được thì Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý phương án xử lý tồn thất để trình UBND tỉnh quyết định.

5. Thanh lý, nhượng bán tài sản

Quỹ được thanh lý, nhượng bán những tài sản kém, mất phẩm chất, tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi, tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả.

Khi thanh lý tài sản, Quỹ phải định giá tài sản và tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật. Chênh lệch số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản trên sổ sách kế toán và chi phí thanh lý, nhượng bán (nếu có) được hạch toán vào thu nhập của Quỹ.

Chương III

QUẢN LÝ VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Doanh thu của Quỹ

Doanh thu của Quỹ là các khoản phải thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:

1. Thu từ hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Thu lãi cho vay từ các dự án cho vay vốn của Quỹ;
 - b) Thu phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác;
 - c) Thu hoạt động nghiệp vụ khác.
2. Thu từ hoạt động tài chính:
 - a) Thu lãi tiền gửi;
 - b) Các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.
3. Các khoản thu khác:
 - a) Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định của Quỹ;
 - b) Thu bảo hiểm đền bù tồn thất tài sản;
 - c) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được;
 - d) Các khoản thu hợp pháp khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 8. Chi phí của Quỹ

Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật, bao gồm;

1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ:
 - a) Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay và nhận ủy thác;

b) Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Chi trả tiền lãi ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản và bảo đảm phế liệu nhập khẩu;

d) Chi cho hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Chi phí hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi liên quan đến hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng thương mại và các chi phí khác.

3. Chi cho cán bộ, nhân viên thực hiện theo chế độ của Nhà nước quy định đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Chi phí tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền ăn ca và chi phí có tính chất lương phải trả cho cán bộ, nhân viên của Quỹ theo quy định của pháp luật;

b) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo hệ số phụ cấp từ 0,6-0,8 trên mức lương cơ bản nhưng không vượt quá 10% mức lương đang hưởng. Hệ số phụ cấp cụ thể như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: 0,8;

- Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ: 0,6;

- Giám đốc Quỹ: 0,8;

- Phó Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng các bộ phận nghiệp vụ, Kế toán: 0,7;

- Các cán bộ kiêm nhiệm khác: 0,6.

c) Trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp;

d) Chi cho công tác y tế; các chi phí cho lao động nữ theo quy định hiện hành; chi bảo hộ lao động, chi trang phục giao dịch; chi cho công tác bảo vệ cơ quan;

đ) Các khoản chi khác cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí quản lý của Quỹ

a) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật; thuê tài sản cố định; chi mua bảo hiểm tài sản; chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ; chi bù đắp tổn thất tài sản theo quy định;

b) Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông; kiểm toán, dịch vụ pháp lý; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, các dịch vụ kỹ thuật; chi phí vận chuyển; phòng cháy chữa cháy;

c) Chi công tác phí, chi phụ cấp tàu xe cho cán bộ và nhân viên của Quỹ đi công tác trong và ngoài nước theo chế độ của Nhà nước quy định;

d) Chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết theo quy định của pháp luật;

đ) Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật.

5. Các khoản chi phí khác:

a) Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa;

b) Chi phí để thu các khoản phạt theo quy định;

c) Chi hỗ trợ cho các hoạt động của Đảng, đoàn thể của Quỹ theo quy định của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi ủng hộ công đoàn ngành, địa phương, các tổ chức xã hội và cơ quan khác);

d) Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản (nếu có) bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý nhượng bán;

đ) Các khoản chi phí hợp pháp khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Định mức chi phí quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí

- Các khoản chi vượt mức theo quy định tại khoản 6 Điều này.

- Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường.

- Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính.

- Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

- Các khoản chi không liên quan đến hoạt động theo chức năng của Quỹ.

- Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ.

Điều 9. Phân bổ sử dụng kinh phí chênh lệch thu, chi hàng năm của Quỹ

Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quy chế này. Chênh lệch thu chi trong năm là dương (+) khi doanh thu lớn hơn chi phí và ngược lại, chênh lệch thu chi trong năm là âm (-) khi doanh thu nhỏ hơn chi phí.

1. Khi chênh lệch thu, chi là dương (+), sau khi trả tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ và bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm lũy kế đến năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích 20% vào nguồn vốn bổ sung của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, tài trợ. Quỹ có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng khoản vốn này;

b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

c) Trích quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:

- Trường hợp hoàn thành kế hoạch hoạt động năm do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt vào đầu năm, Quỹ được trích từ nguồn vốn bổ sung và quỹ đầu tư phát triển tối đa bằng 03 tháng lương thực hiện trong năm;

- Trường hợp không hoàn thành kế hoạch hoạt động năm do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hàng năm, Quỹ được trích từ nguồn vốn bổ sung và quỹ đầu tư phát triển tối đa bằng 02 tháng lương thực hiện trong năm.

d) Số còn lại sau khi trích lập các quỹ trên sẽ được trích tiếp vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Khi chênh lệch thu, chi trong năm tài chính bị âm (-), Quỹ được chuyển số thâm hụt sang năm sau, thời gian chuyển không quá 5 năm kể từ năm tiếp liền kề sau năm phát sinh lỗ. Trường hợp sau 05 năm nếu Quỹ không chuyển hết số thâm hụt, Quỹ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc sử dụng các quỹ

a) Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

b) Quỹ khen thưởng dùng để:

- Thương cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong Quỹ;

- Thương đột xuất cho những cá nhân, tập thể của Quỹ có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong hoạt động;

- Thương cho cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ đóng góp hiệu quả vào hoạt động nghiệp vụ, công tác quản lý của Quỹ.

Hội đồng quản lý Quỹ ban hành quy chế khen thưởng quy định cụ thể đối tượng được khen thưởng, mức thưởng và các nội dung khác có liên quan để Quỹ thực hiện.

c) Quỹ phúc lợi được sử dụng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của Quỹ, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên; phúc lợi xã hội;

- Chi trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của Quỹ;

- Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Quỹ.

d) Việc sử dụng các Quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chấp hành chế độ quản lý tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn vốn điều lệ cho Quỹ.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2, Điều 4 Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh.

2. Hướng dẫn chế độ kế toán phù hợp với quy mô, đặc thù hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chấp hành chế độ quản lý tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của Quỹ

1. Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn, tài sản của Nhà nước do Quỹ quản lý.

2. Tuân thủ chế độ quản lý tài chính theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Hàng năm, Quỹ báo cáo nhu cầu sử dụng vốn từ nguồn chi sự nghiệp môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Xây dựng báo cáo quyết toán năm.

5. Chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, không phù hợp với pháp luật và thực tiễn, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đông